

Bản án số: 249/2021/HS-ST

Ngày: 24 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thuận

2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý 233/2021/HSST ngày 23 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2021/QĐXXST - HS ngày 06 tháng 8 năm 2021, Thông báo dời phiên tòa số 273/TB-TA ngày 15 tháng 8 năm 2021, Thông báo số về việc mở lại phiên tòa số 279/TB-TA ngày 22 tháng 9 năm 2021; Thông báo số về việc mở lại phiên tòa số 472/TB-TA ngày 06 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 tại Khánh Hòa; nơi cư trú: số đường P, phường S, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 02/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị H; tiền sự: không.

Tiền án:

- Bản án hình sự phúc thẩm số 138/2011/HSPT ngày 16/8/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tuyên phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/02/2012, chưa thi hành nộp án phí hình sự sơ thẩm, phúc thẩm.

- Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2014/HSST ngày 04/3/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/3/2015, đã thi hành xong các quyết định khác của bản án.

- Bản án hình sự phúc thẩm số 33/2016/HSPT ngày 14/3/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tuyên phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/5/2018, đã thi hành xong các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Nhân thân:

- Ngày 08/7/2004, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang ra Quyết định số 1848/QĐ-UB-NC áp dụng đưa vào Trường giáo dưỡng số 03. Chấp hành xong ngày 25/3/2006.

- Ngày 12/4/2010, Công an xã Vĩnh Hiệp, thành phố Nha Trang ra Quyết định số 30/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính về an ninh trật tự an toàn xã hội, xử phạt số tiền 350.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Ngày 19/8/2010, Chủ tịch UBND phường Phương Sài, thành phố Nha Trang ra Quyết định số 170/QĐ-UB về áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã. Chấp hành xong ngày 23/11/2010.

- Ngày 14/02/2011, Chủ tịch UBND thành phố Nha Trang ra Quyết định đưa vào Cơ sở chữa bệnh đối với Nguyễn Văn Tài về hành vi nghiện ma túy thời hạn 24 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/4/2020; có mặt.

2. Bị cáo **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1995, tại Khánh Hòa nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường H, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, Không có nơi cư trú rõ ràng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L; tiền sự, tiền án: không; bị bắt tạm giam từ ngày 29/4/2020; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Chị Lương Kim N, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ 7, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Anh Khương Văn K, sinh năm 1996; nơi cư trú: Đường Đ, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có.

3. Chị Hoàng Thị Ngọc B, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Võ Anh T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 04 đường K, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Anh Lê Minh Tr, sinh năm 1985; nơi cư trú: Đường C, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 11, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt
2. Chị Ngô Thị Nhã L, sinh năm 1984; nơi cư trú: Hương lộ H, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để tiêu dùng cá nhân. Thời gian trong tháng 04/2020, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn S đã thực hiện cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, cụ thể như sau:

Vụ 1: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 21/4/2020, Nguyễn Văn S điều khiển xe máy kiểu Dream màu nâu, biển kiểm soát: 79K4-7588 chở Nguyễn Văn T đi trên đường 2/4 từ trung tâm thành phố N đến khu vực L, phường V, thành phố N để mua ma túy sử dụng. Khi cả hai đi đến đoạn trước số nhà 787 đường 2/4, phường V, thành phố N thì phát hiện thấy chị Lương Kim N đang dừng xe bên lề đường, trên tay chị N đang cầm 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max, màu hồng, 64GB. Lúc này, T nói S điều khiển xe máy quay lại để T ngồi sau giật điện thoại, S đồng ý và điều khiển xe máy quay lại. S điều khiển xe máy áp sát vào phía bên phải chị N, T ngồi sau dùng tay phải giật lấy điện thoại của chị N rồi cả hai tăng ga bỏ chạy. Ngay sau khi bị giật điện thoại, chị N điều khiển xe máy đuổi theo đến đoạn trước Tháp B, đường 2/4, phường V, thành phố N thì đuổi kịp xe máy của T và S. Chị N điều khiển xe máy của mình đâm vào xe máy của T và S làm cả hai xe máy đều ngã xuống đường. Sau đó, T và S tiếp tục đứng dậy lên xe máy bỏ chạy thoát, còn chị N bị thương được người dân đưa đi cấp cứu tại Phòng khám đa khoa T. Sau khi, giật được điện thoại di động hiệu Iphone XS max, màu vàng, 64GB, T và S mang đến bán cho Lê Minh Tr được 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), T và S chia nhau mỗi người 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), số tiền trên cả hai đã tiêu dùng hết.

Ngày 22/4/2020, chị Nguyễn Thị Nhã L bạn của chị Lương Kim N đã đến Công an phường V, thành phố N trình báo sự việc bị cướp giật điện thoại di động hiệu Iphone XS max, màu hồng, 64GB vào ngày 21/4/2020.

Qua truy xét, ngày 29/4/2020 Cơ quan Công an thành phố Nha Trang đã đưa Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn S về trụ sở làm việc. Qua đấu tranh, T và S đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 170 ngày 29/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Nha Trang kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max, màu hồng, 64GB có giá trị là: 18.072.000 đồng (mười tám triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Vụ 2: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 09/4/2020, Nguyễn Văn S điều khiển xe máy kiểu Dream màu nâu, biển kiểm soát: 79K4-7588 chở Nguyễn Văn T đi trên các tuyến đường trong thành phố N với mục đích xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp bán lấy tiền tiêu dùng cá nhân. Khi cả hai đi đến khu vực dãy phòng trọ (gần chùa Đ) thuộc tổ 7, phường Ng, thành phố N, phát hiện thấy phòng trọ số 02 của anh Khương Văn K không đóng cửa, T nói S dừng xe máy đứng ngoài cảnh giới, còn T lén lút đi vào trong phòng trọ để tìm tài sản trộm cắp. Khi vào trong phòng trọ, thấy anh K đang nằm ngủ, bên cạnh người có 01 Ipad Air 2, màu trắng xám, 64GB, T lấy trộm Ipad trên đi ra ngoài, rồi cùng S bỏ chạy. Sau đó, cả hai cầm Ipad Air 2, màu trắng xám, 64GB trên đi đến cửa hàng điện thoại T địa chỉ số: đường T, phường L, thành phố N bán cho Võ Anh T với giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Số tiền 2.000.000 đồng cả hai đã tiêu dùng hết. Khi bán máy Ipad Air 2, màu trắng xám, 64GB cho Võ Anh T, T và S không nói cho T là vừa mới trộm cắp có được. Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, anh K đã đến Công an phường N, thành phố N trình báo sự việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 130 ngày 12/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Nha Trang kết luận: Ipad Air 2, màu trắng xám, 64GB có giá trị là: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Vụ 3: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 15/4/2020, Nguyễn Văn T đi bộ đến quán cà phê tại địa chỉ: số 76 đường Y, phường S, thành phố N. T quan sát thấy xung quanh không có người nên nảy sinh ý định đột nhập vào bên trong quán cà phê tìm tài sản trộm cắp bán lấy tiền tiêu dùng cá nhân. Lúc này, T trèo lên tầng 2 của quán cà phê, cạy cửa chui vào bên trong nhà, rồi đi xuống dưới tầng 01. Khi đến tầng 01, phát hiện thấy chị Hoàng Thị Ngọc B đang nằm ngủ bên cạnh người có để 01 điện thoại Iphone 8, màu hồng, 64GB và 01 Ipad 32GB, màu trắng xám, T lén lút đến gần lấy trộm điện thoại Iphone và Ipad của chị B, rồi đi lên tầng 2 trèo ra ngoài tẩu thoát. Sau đó, T thuê xe thò đi đến khu vực L, phường V, thành phố N bán điện thoại di động Iphone 8, màu hồng, 64GB với giá 2.000.000 đồng, còn 01 Ipad, màu trắng xám, 32GB đổi lấy 12 tép ma túy “heroin” của một nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) để sử dụng cho bản thân. Số tiền bán máy được 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), T đã tiêu dùng hết. Sau khi, chị B phát hiện bị mất trộm tài sản đã đến Công an phường S trình báo sự việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 129 ngày 12/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Nha Trang kết luận: Ipad Air 2, màu trắng xám, 32GB có giá trị là: 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 242 ngày 17/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Nha Trang kết luận: 01 điện thoại di

động hiệu Iphone 8, 64GB có giá trị là: 4.785.000 đồng (bốn triệu bảy trăm tám mươi năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 199/CT-VKS ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã:

Truy tố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 và tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 - 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” và 03 năm đến 03 năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” 01 đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với bị hại là chị Hoàng Thị Ngọc B, chị Lương Kim N và anh Khương Văn K không yêu cầu bồi thường nên đề nghị không xét. Về vật chứng: Đề nghị giao lại 01 xe máy hiệu Dream, biển số 79K4-7588, số khung: STANLEY0408856; số máy: LC150FM001405526 cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nha Trang để tiếp tục điều tra và xử lý theo quy định của pháp luật. Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, bị hại chị Hoàng Thị Ngọc B và chị Lương Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Anh T, Lê Minh Tr và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Nhận thấy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng như của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên và của các cơ quan tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S khai nhận do cần tiền tiêu xài, sử dụng ma túy, nên các bị cáo đã bàn bạc với nhau đi cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Nha Trang, cụ thể như sau:

Vào lúc 11 giờ 30 ngày 9/4/2020 tại phòng trọ thuộc tổ 7, phường N, thành phố N, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn S đã lén lút trộm 01 Ipad Air 2, màu trắng xám, 64GB của anh Khương Văn K. Giá trị tài sản trộm cắp được định giá là **5.000.000** đồng.

Vào lúc 22 giờ 00 phút ngày 21/4/2020 tại số nhà 787 đường 2/4, phường V, thành phố N, khi phát hiện người bị hại để sơ hở tài sản, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn S đã điều khiển xe máy nhanh chóng áp sát và cướp giật của chị Lương Kim N 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max, màu hồng, 64GB sau đó nhanh chóng phóng xe tẩu thoát. Giá trị tài sản cướp giật được định giá là **18.072.000** đồng.

Ngoài ra, vào lúc 02 giờ 00 phút ngày 15/4/2020, Nguyễn Văn T một mình thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại Iphone 8, màu hồng, 64GB và 01 Ipad 32GB, màu trắng xám của chị Hoàng Thị Ngọc B tại địa chỉ tổ T, phường V, thành phố N. Giá trị tài sản trộm cắp được định giá là **7.535.000** đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phân xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản của bị cáo Nguyễn Văn T đã cấu thành tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 và tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Hành vi cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản của bị cáo Nguyễn Văn S cấu thành tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 và tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Đánh giá về tình tiết định khung hình phạt tăng nặng quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 và điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tình tiết định khung “dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn S sử dụng xe máy là nguồn nguy hiểm cao độ nhanh chóng áp sát bị hại và giật điện thoại, rồi nhanh chóng điều khiển xe máy tẩu thoát là thuộc trường hợp “dùng thủ đoạn nguy hiểm” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

[3.2] Về tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 và điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Bị cáo Tài có 03 (ba) tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” đã tái phạm chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội cố ý, nên lần phạm tội này bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 và điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3.3] Do đó, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng số 199/CT-VKSNT ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang truy tố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 và “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 và “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tính chất là đồng phạm giản đơn, vai trò của các bị cáo là ngang nhau.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Trong thời gian ngắn (trong tháng 4/2020), bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội cùng với bị cáo Nguyễn Văn S và một lần tự mình thực hiện hành vi phạm tội. Về nhân thân, bị cáo có nhân rất xấu, đã nhiều lần bị các tòa án xét xử về tội xâm phạm sở hữu, nhiều lần bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Thế nhưng, sau khi chấp hành xong hình phạt tù, biện pháp xử lý hành chính, bị cáo không tu chí làm người lương thiện mà tiếp tục thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản, nên lần phạm tội này, ngoài việc bị cáo bị áp dụng các tình tiết định khung hình phạt tăng nặng, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của

bị cáo thể hiện tính nguy hiểm của tội phạm cao, nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Tuy nhiên, sau khi phạm tội và trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo, sớm trở về làm lại cuộc đời.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn S: Là thanh niên có sức khỏe, nhưng lười lao động, muốn kiếm tiền bất chính. Trong thời gian ngắn bị cáo cùng với bị cáo Nguyễn Văn T đã cùng nhau thực hiện hai lần hành vi phạm tội. Do vậy, cũng phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc, cách ly bị cáo một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Tuy nhiên, sau khi phạm tội và trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo, sớm trở về làm lại cuộc đời.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

[5.1] Bị hại chị Lương Kim N, chị Hoàng Thị Ngọc B không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5.2] Đối với bị hại anh Khương Văn K: Tại phiên tòa, anh K tự nguyện không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận, các bị cáo không phải bồi thường cho anh Khánh.

[5.3] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Minh Tr, anh Tr đã mua điện thoại Iphone XS max do các bị cáo cướp giật của chị Lương Kim N với giá 6.000.000 đồng, nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có. Anh Tr cũng không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5.4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Võ Anh T, anh T là người mua tài sản là một Ipad màu trắng xám do bị cáo trộm cắp mà có, nhưng không biết tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ của bị cáo xe máy hiệu Dream, biển số 79K4-7588, số khung: STANLEY0408856; số máy: LC150FM001405526. Kết quả xác minh cho thấy xe máy này đứng tên chủ sở hữu là ông Trần S, sinh năm 1952, trú tại: xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa, sau đó ông S đã bán lại cho một người, không nhớ rõ họ tên. Vì vậy, thiết nghĩ cần tiếp tục giao lại cho lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nha Trang tiếp tục xác minh để xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 04** (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” và **03** (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hai tội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **07** (bảy) năm. Thời hạn tù tính từ ngày 29/4/2020.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S 03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và **01** (một) năm tù **03** (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hai tội. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là **04** (bốn) năm **09** (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/4/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

2.1. Bị hại chị Lương Kim N và Hoàng Thị Ngọc B và anh Khương Văn K không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xét.

2.2. Không xem xét phân trách nhiệm dân sự đối với anh Lê Minh Trực và Võ Anh Tuấn.

3. Về xử lý vật chứng: Giao lại cho Cơ quan Công an thành phố Nha Trang một xe máy hiệu Dream, dung tích 97, số loại, biển số 79K4-7588, số khung: STANLEY0408856; số máy: LC150FM001405526 (yên hư hỏng xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) để tiếp tục để tiếp tục điều tra, xác minh theo quy định của pháp luật.

Vật chứng giao lại Cơ quan Công an thành phố Nha Trang Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nha Trang với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Công an thành phố Nha Trang;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THADS. TP. Nha Trang;
- Lưu án văn, VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng